

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày 11-9-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Thạch

Ông Phạm Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:

Ông Trần Anh Văn – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc **“Tranh chấp hợp đồng mua bán Đng hóa”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tấn A; trụ sở: Km208, thôn 10, xã QT, huyện Đăk R’láp, tỉnh Đăk Nông; do **ông Nguyễn Trí B** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện theo pháp luật; đại diện theo ủy quyền là **ông Nguyễn Trí C**, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp 2, xã SN, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1980 (Chủ hộ kinh doanh, đại lý Đ D); địa chỉ: thôn ĐC, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Quan Thị Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn ĐC, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tấn A do ông Nguyễn Trí C làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do ông Lê Văn D là chủ hộ kinh doanh, đại lý Đ D nhiều lần ký hợp đồng mua phân bón nội, ngoại nhập của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tán A nhằm mục đích bán lại cho khách Đng có nhu cầu sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình mua phân bón của Công ty, ông D còn nợ lại với số tiền là 110.400.000 đồng trên cơ sở các bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ lập ngày 23 tháng 12 năm 2016 và ông D hẹn đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ thanh toán dứt điểm. Do ông D đến hạn nhưng không thanh toán tiền cho Công ty theo cam kết, nên ngày 02 tháng 01 năm 2017 hai bên thỏa thuận xác lập hợp đồng nguyên tắc số 112/HĐMBHH-TT/2017 trong đó ông D phải trả cho Công ty số tiền nêu trên trong hạn 15 ngày, hết thời hạn mà ông D vẫn không trả thì phải chịu lãi suất phạt quá hạn là 0,05%/ngày/tổng số tiền nợ quá hạn. Đến nay, ông D vẫn chưa thanh toán cho Công ty một khoảng tiền gốc và lãi nào cho Công ty. Nay tại phiên tòa, ông C đại diện cho Công ty yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Quan Thị Đ phải trả cho công ty số tiền nợ trong hợp đồng mua bán phân bón còn nợ là 110.400.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 25 tháng 11 năm 2019, ông Lê Văn D trình bày nội dung tóm tắt như sau:

Ông Lê Văn D và bà Quan Thị Đ trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2017. Trong quá trình còn chung sống, ông D và bà Đ có thành lập hộ kinh doanh Đ D vào năm 2015, với ngành nghề buôn bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật do ông D là người đại diện theo pháp luật đứng tên chủ hộ kinh doanh. Năm 2016, hộ kinh doanh Đ D có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua phân bón nội ngoại nhập với Công ty TNHH SX-TM-DV Tán A với mục đích bán lại cho người sử dụng. Trong quá trình kinh doanh, ông D và bà Đ có mâu thuẫn về tiền bạc nên bà Đ không thanh toán tiền cho Công ty. Đến ngày 23 tháng 12 năm 2016, ông D và Công ty có đối chiếu công nợ và xác nhận Hộ kinh doanh Đ D còn nợ của Công ty số tiền là 110.400.000 đồng. Nay, Ông D đại diện cho Hộ kinh doanh Đ D đồng ý trả khoản tiền nêu trên cho Công ty TNHH SX-TM-DV Tán A và yêu cầu bà Đ phải liên đới trả 50% số tiền này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt. tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ bà Đ trình bày:

Bà Đ và ông D trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, Hộ kinh doanh Đ D được thành lập từ năm 2015 với ngành nghề kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật do ông D người đại diện theo pháp luật, còn bà Đ là thành viên của hộ gia đình. Quá trình kinh doanh, bà Đ biết hộ kinh doanh Đ D có nhập Đng phân bón nội, ngoại nhập của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tán A, nhưng số lượng bao nhiêu và bao nhiêu tiền thì bà Đ không biết vì ông D là người trực tiếp nhập hàng, vào sổ sách và đối chiếu công nợ với công ty. Tại thời điểm năm 2016, thì thu nhập từ kinh doanh của hộ kinh doanh Đ D là sử dụng vào mục đích chung cho gia đình, trong đó có ông D và bà Đ. Tuy nhiên, tổng số nợ gốc là

110.400.000 đồng thì bà Đ không đồng ý liên đới cùng ông D trả nợ vì tất cả hoạt động kinh doanh là do ông D thực hiện chứ bà không biết.

Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

Về trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án vi phạm về thời hạn xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền gốc 110.400.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu tính tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các A liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về mối quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về “**Tranh chấp hợp đồng mua bán Đng hóa**” do nguyên đơn là Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tấn A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn ông Lê Văn D (Chủ hộ kinh doanh, đại lý Đ D) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Quan Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐC, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt: Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là ông Lê Văn D (Chủ hộ kinh doanh, đại lý Đ D) có lập bản tự khai, Tòa án tiến hành lấy lời khai và ông D thừa nhận còn nợ của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tấn A với số tiền gốc là 110.400.000 đồng trong hợp đồng mua bán Đng hóa (phân bón) hiện nay chưa trả, đồng thời ông Lê Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt; Trước khi mở phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Quan Thị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn D, bà Quan Thị Đ theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn được ủy quyền là ông Nguyễn Tri C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lê Văn D (Chủ hộ kinh doanh, đại lý Đ D) và bà Quan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền gốc còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón) là 110.4000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ lập ngày 23 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A đối với hộ kinh doanh Đ D và lời thừa nhận của ông D tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, Bản lời khai lập ngày 25 tháng 11 năm 2020 thì việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, hộ kinh doanh Đ D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết. Quá trình thu thập chứng cứ, ông D đồng ý trả nợ cho Công ty và ông yêu cầu bà Đ phải liên đới cùng ông trả 50% số tiền này.

Quá trình thu thập chứng cứ, về phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đ, mặc dù trong quá trình bà làm bản tự khai, Tòa án tiến hành lấy lời khai thì bà Đ cho rằng mình không liên quan gì đến khoản nợ này nên bà không đồng ý liên đới cùng ông D trả nợ cho Công ty. Tuy nhiên, bà Đ có thừa nhận Hộ kinh doanh Đ D là do ông D và bà tạo lập vào năm 2015 trong thời kỳ hôn nhân, trong đó ông D là người đại diện theo pháp luật còn bà là thành viên của hộ, số tiền lợi nhuận kiếm được trong hoạt động kinh doanh đều phục vụ mục đích cho gia đình, việc nhập phân bón của Công ty thì bà có biết.

Mặc khác, tại phiên hòa giải lập ngày 26 tháng 8 năm 2020, qua phân tích của Tòa án thì bà Đ cũng đồng ý cùng ông D liên đới trả nợ, Phương thức thanh toán là ông D sẽ trả 55.200.000 đồng, bà Đ sẽ trả 55.200.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn xin vắng mặt lập ngày 08 tháng 9 năm 2020 thì một lần nữa bà Đ lại thay đổi ý kiến và cho rằng mình không liên quan nên không đồng ý liên đới trả nợ. Xét thấy, việc bà Đ cho rằng mình không liên quan đến khoản nợ này là không có cơ sở bởi lẽ, Hộ kinh doanh Đ D được thành lập năm 2015 (*trong thời kỳ hôn nhân*), mục đích kinh doanh đều phục vụ chung cho cuộc sống gia đình trong đó có bà Đ, khoản nợ phát sinh từ hoạt động kinh doanh đối với Công ty thì ông D, bà Đ còn là vợ chồng.

Vì vậy, nghĩ cần thiết cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A và buộc Hộ kinh doanh Đ D do ông D làm đại diện và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A số tiền còn nợ là 110.400.000 đồng, trong đó ông D trả 55.200.000 đồng, bà Đ trả 55.200.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[2.2] *Về tiền lãi:* Tại đơn khởi kiện của Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A cũng như Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trí C có yêu cầu ông D và bà Đ phải trả cho Công ty tổng số tiền lãi là 54.648.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, qua phân tích của HĐXX, ông C đại diện cho Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A rút yêu cầu tính lãi đối với ông D, bà Đ. Xét thấy, đây là thiện chí của người đại diện của Công ty trên cơ sở không trái với quy định của pháp luật, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này và đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án về yêu cầu tính lãi.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông D, bà Đ liên đới phải chịu theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 217 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 24; 50 của Luật Thương mại 2005

Căn cứ vào các Điều 274; 280; 288; 290; 291 của Bộ luật dân sự Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A về tranh chấp “*hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

2. Tuyên xử:

Buộc ông Lê Văn D (chủ hộ kinh doanh Đ D) và bà Quan Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón) là 110.400.000 đồng. Trong đó ông Lê Văn D thanh toán số tiền là 55.200.000 đồng; bà Quan Thị Đ thanh toán số tiền là 55.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc số 112/HĐMBHH-TT/2017 ngày 02 tháng 01 năm 2017 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A.

3. Án phí KDTM sơ thẩm: Ông Lê Văn D và bà Quan Thị Đ mỗi người phải chịu số tiền là 2.760.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.126.000 đồng cho Công ty TNHH SX-TM-DV Tấn A đã nộp theo biên lai thu số 0019029 ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh